

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST

Ngày : 30 - 9 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con;
cấp dưỡng và chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngo;
2. Bà Vũ Thị Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Long Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2025/TLST - HNGĐ ngày tháng 21 tháng 02 năm 2025, thụ lý yêu cầu phản tố ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Ly hôn; tranh chấp nuôi con; cấp dưỡng và chia tài sản khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng, Quyết định hoãn phiên tòa số: 498/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Hoàng U, sinh năm: 1997; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Trần Huy Đ, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn 1, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 04/12/2024, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Hoàng U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hoàng U và ông Trần Huy Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Ủy ban nhân dân thị trấn TN, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại nhà cha

mẹ ruột của ông Đ, sống được khoảng 05 tháng thì bà U xin về nhà mẹ ruột của bà tại thôn Đ, xã H để dưỡng thai và sinh con.

Sau thời gian này, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là do ông Đ thiếu trách nhiệm với vợ, con. Ông Đ không chăm sóc con, có vài lần dùng vũ lực gây thương tích cho bà U. Tháng 10/2024, ông Đ nhậu say đến nhà mẹ bà đập phá tài sản và đánh bà trước mặt cha mẹ của bà, kết quả là gây thương tích cho bà U. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà U không còn tình cảm với ông Đ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà U và ông Đ có với nhau 01 con chung là Trần Lê Huy K, sinh ngày 25/4/2023. Từ trước đây nay, con chung đều sống với bà U, do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hiện nay, con chưa đủ 36 tháng tuổi nên bà U đề nghị Tòa án giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Khi kết hôn, phía gia đình ông Đ chỉ cho khoảng 1,4 lượng vàng, loại 980. Còn gia đình bà U thì chỉ cho vài chỉ vàng nhưng sau đó đã bán hết số vàng này để thanh toán chi phí dịch vụ tiệc cưới. Số vàng còn lại của gia đình ông Đ cho, cuối năm 2023, bà và ông Đ bán 01 lượng với giá khoảng 60.000.000 đồng, bà U góp thêm 10.000.000 đồng từ tài sản riêng của bà để mua chiếc xe SH đứng tên bà U làm phương tiện đi lại.

Số vàng còn lại khoảng 04 chỉ, trong thời gian bà U nghỉ thai sản; sinh con và nuôi con cho đến nay, thì bà U đã bán để lo chi phí. Thực tế, số vàng này không đủ trang trải để nuôi con.

Hiện nay, tài sản chung còn lại của bà và ông Đ là chiếc xe mô tô, hiệu SH Mode, Biển kiểm soát 86B5 - 430.68 trị giá khoảng 30.000.000 đồng. Trường hợp ông Đ yêu cầu chia tài sản chung đối với chiếc xe này thì bà U đồng ý. Bà đề nghị được nhận hiện vật và hoàn lại cho ông Đ 15.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Huy Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thừa nhận những lời trình bày của bà U về quan hệ hôn nhân là đúng. Vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn, hai bên có xảy ra ẩu đả, đánh nhau. Nay ông Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà U.

Về con chung: Ông Đ thừa nhận vợ chồng ông có với nhau 01 con chung là Trần Lê Huy K, sinh ngày 25/4/2023 như bà U trình bày. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng như yêu cầu của bà U.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà U có các tài sản chung sau: Khi kết hôn, cha mẹ ruột của ông có cho vợ chồng ông 1,4 lượng, lẻ

1,05 phân vàng, trị giá là 75.558.000 đồng như giấy đảm bảo của Tiệm vàng Kim Dung mà ông Đ cung cấp.

Ngoài ra, dòng họ phía ông Đ còn cho khoảng 06 chỉ vàng; cha mẹ ruột của bà U cho 01 lượng vàng; số vàng này hiện nay ông chưa chứng minh được. Tổng cộng là 03 lượng vàng. Năm 2023, ông Đ, bà U bán 01 lượng vàng trị giá khoảng 60.000.000 đồng, bà U có góp thêm khoảng 10.000.000 đồng là tài sản riêng của bà U để mua chiếc xe SH trị giá là 70.000.000 đồng.

Đối với 02 lượng vàng còn lại hiện nay có giá khoảng 110.000.000 đồng/lượng, thành tiền là 220.000.000 đồng. Ngoài ra, xe SH trị giá hiện nay có giá là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 250.000.000 đồng. Ông Đ yêu cầu Tòa án chia cho ông $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản chung là 125.0000.000 đồng.

Ông Đ thống nhất với ý kiến của bà U về trị giá xe mô tô SH là 30.000.000 đồng. Ông Đ không yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá để định giá tài sản là chiếc xe mô tô trên.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng các đương sự chỉ thống nhất được với nhau về vấn đề ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng. Về yêu cầu chia tài sản chung thì các đương sự không thống nhất. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn, yêu cầu Tòa án giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng; rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tố của bị đơn về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tố của bị đơn về việc chia tài sản khi ly hôn. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Lê Hoàng U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Huy Đ; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn; yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Huy Đ có đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia tài sản của ông và bà U trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng và chia tài sản khi ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 1, xã H, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Huy Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa để bị đơn xét nghiệm gen đối với cháu K làm cơ sở xác định cháu K có phải là con của bị đơn hay không. Thấy rằng, lý do hoãn phiên tòa mà bị đơn đưa ra là không chính đáng. Xét thấy, việc vắng mặt của bị đơn không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của bị đơn và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông Đ: Bà Lê Hoàng U và ông Trần Huy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 14 ngày 03/02/2023. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà U và ông Đ đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông Đ là hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, việc các đương sự thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng mà các đương sự thừa nhận, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về xác định con chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất họ có với nhau 01 con chung là cháu Trần Lê Huy K, sinh ngày 25/4/2023. Xét thấy, việc các đương sự thừa nhận cháu K là con chung hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các thông tin về nhân thân của cháu K trong giấy khai sinh của cháu do Ủy ban nhân dân xã H (thị trấn TN cũ) cấp ngày 23/5/2023, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về xác định cha, mẹ cho con. Trong quá trình tố tụng, bị đơn cũng không có đơn phản tố để yêu cầu Tòa án xác định cháu K không phải là

con của mình hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh vấn đề này theo quy định tại khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Với những nhận định trên, có đủ cơ sở để khẳng định cháu K là con chung của các đương sự. Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/9/2025, bị đơn thống nhất với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới, không đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ; do đó, việc bị đơn đề nghị cho lấy mẫu AND để xét nghiệm gen xem mình có phải là cha của cháu K hay không là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu K hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, từ khi ly thân đến nay, nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ngoài ra, nguyên đơn nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên cần giao cháu Kháng cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, mặc dù được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng của người trực tiếp nuôi con để bảo vệ quyền lợi cho con chưa thành niên nhưng nguyên đơn vẫn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[8] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn phản tố đề yêu cầu Tòa án chia cho mình $\frac{1}{2}$ số tài sản chung gồm 02 lượng vàng trị giá 220.000.000 đồng và 01 xe SH mode, biển kiểm soát 86B5 - 430.68 trị giá là 30.000.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên được coi là từ bỏ yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn; bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố trên theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí, tiền tạm ứng án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; sung vào công quỹ Nhà nước đối với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bị đơn đã nộp.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 246, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hoàng U đối với bị đơn ông Trần Huy Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hoàng U được ly hôn với ông Trần Huy Đ;

- Về nuôi con: Giao con chung là Trần Lê Huy K, sinh ngày 25/4/2023 cho bà Lê Hoàng U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Trần Huy Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoàng U về việc buộc ông Trần Huy Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Huy Đ về việc chia tài sản khi ly hôn.

Ông Trần Huy Đ có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Lê Hoàng U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011149 ngày 19/02/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H).

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Trần Huy Đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002286 ngày 29/4/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H).

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2025); đối với đương sự vắng

mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 15 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Trọng